

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Luật Đê điều;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai, Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Thủy lợi;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 Ban Bí thư Trung ương Đảng về chỉ đạo toàn diện về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về phòng chống thiên tai;

Căn cứ Nghị Quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thủ đô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025, với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực phòng chống, chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra tạo điều kiện phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành nói chung và của Bộ Nông nghiệp và PTNT nói riêng trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Nâng cao nhận thức, năng lực, chủ động phòng chống thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với tổ chức, cộng đồng và người dân.

c) Đảm bảo an toàn hệ thống cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo mức thiết kế, đồng bộ với hệ thống cơ sở hạ tầng khác và gắn với xây dựng nông thôn mới.

d) Làm cơ sở để rà soát, xác định các danh mục dự án/nhiệm vụ ưu tiên để tổng hợp lồng ghép vào kế hoạch phát triển của Bộ và huy động các nguồn lực để thực hiện phù hợp với kế hoạch trung hạn của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong giai đoạn 2021-2025.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nội dung và biện pháp tổng thể

a) Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch

- Sửa đổi, bổ sung các Nghị định: số 160/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai; số 94/2014/NĐ-CP và số 83/2019/NĐ-CP quy định về thành lập quỹ phòng chống thiên tai; số 104/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi.

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định về danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quy định về nội dung đảm bảo an toàn thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê.

- Xây dựng các thông tư: hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương; ban hành quy định chung đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai và quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống thiên tai ngành nông nghiệp; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập quy hoạch phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều; hướng dẫn kỹ thuật về duy tu bảo dưỡng đê điều.

- Sửa đổi bổ sung thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều.

- Xây dựng các chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia.

- Xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực cho ngành phòng chống thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia và cấp bộ giai đoạn 2026-2030.

b) Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng.

- Thực hiện Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thuỷ lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ chất lượng nước và phòng chống thiên tai trong công trình thuỷ lợi.

- Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, năng lực cho lực lượng xung kích ở địa phương.

- Đề xuất các biện pháp phòng tránh thiên tai, hướng dẫn thực hiện tại các tỉnh, thành phố.

c) Thiết kế quy hoạch, điều tra cơ bản

- * Thiết kế quy hoạch

- Trình duyệt quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: quy hoạch phòng chống thiên tai và thuỷ lợi; quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thuỷ sản.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về thuỷ lợi, phòng chống lũ, đê điều, thuỷ sản, lâm nghiệp.

- Xây dựng phương án tổng thể chính trị sông, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên các lưu vực sông liên tỉnh.

- * Điều tra cơ bản -

- Điều tra cơ bản về công trình phòng chống thiên tai, thuỷ lợi, thuỷ sản, lâm nghiệp và vùng hạ du các đập, hồ chứa nước thuộc do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Điều tra cơ bản về nguồn nước, nước sạch nông thôn, lòng dẫn, đường bờ biển, dân sinh phục vụ phòng chống thiên tai.

- Điều tra cơ bản về cơ sở hạ tầng liên quan đến phòng chống thiên tai.

- Điều tra cơ bản hiện trạng.

d) Duy tu bảo dưỡng, xử lý cấp bách công trình phòng chống thiên tai

- Duy tu bảo dưỡng công trình đê điều từ cấp III đến cấp đặc biệt.

- Xử lý cấp bách công trình đê điều từ cấp III đến cấp đặc biệt.

- Bảo trì các đập, hồ chứa nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và các hồ chứa thuỷ lợi liên tỉnh.

đ) Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- * Khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng, củng cố, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ quản lý, vận hành và khai thác công trình phòng chống thiên tai.

- Nghiên cứu chuyển đổi thời vụ, giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, ứng dụng trồng rừng ngập mặn ven biển.

- Nghiên cứu đánh giá các tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật trong xây dựng và quản lý công trình phòng chống thiên tai và phục vụ phòng chống thiên tai.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ chỉ đạo, điều hành trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

* Hợp tác quốc tế

- Chủ động trong các cơ chế hợp tác về phòng, chống thiên tai trong đó ưu tiên tham gia các cơ chế hợp tác: ACDM, Ủy hội sông Mêkông, Diễn đàn toàn cầu về giảm nhẹ thiên tai, ARF, ASEM....

- Triển khai thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các Điều ước quốc tế, Hiệp định, thỏa thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia ký kết.

- Duy trì hợp tác, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu; phối hợp trong các hoạt động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Thực hiện hiệu quả việc vận động, tiếp nhận, quản lý và phân phối viện trợ của quốc tế trong việc khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Công tác thường trực phòng chống thiên tai

- Thường trực Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống thiên tai.

- Thường trực đối với các hoạt động phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, bảo đảm an toàn công trình thuỷ lợi đặc biệt là đập, hồ chứa nước.

- Thường trực các hoạt động của tàu cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, nuôi trồng thuỷ, hải sản.

g) Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

Xây dựng, củng cố, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó tập trung xây dựng, củng cố, nâng cấp công trình đê điều, công trình thuỷ lợi, Trung tâm chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai và công trình cảnh báo thiên tai đa mục tiêu đảm bảo an toàn theo mức thiết kế, đáp ứng hiệu quả đầu tư.

h) Thanh tra, kiểm tra

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về phòng chống thiên tai và đê điều.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ, vận hành công trình thuỷ lợi và công trình cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão.

i) Các nhiệm vụ khác

- Xây dựng phương án tổng thể chính trị sông, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đối với các lưu vực sông liên tỉnh.

- Xây dựng hệ thống mô phỏng lũ, ngập lụt các hệ thống sông liên tỉnh.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về phòng chống thiên tai và liên quan đến phòng chống thiên tai.

2. Biện pháp ứng với các loại hình thiên tai

Các biện pháp ứng phó với các loại hình thiên tai thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Phòng chống lũ quét, sạt lở đất và cháy rừng tự nhiên

- Thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, kỹ năng phòng tránh lũ quét, sạt lở đất và cháy rừng tự nhiên.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp lại dân cư vùng ven sông, ven suối và sườn đồi, núi, trước mắt tập trung di dời dân cư khỏi những khu vực có nguy cơ rất cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Trồng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, đảm bảo độ che phủ rừng toàn quốc đạt 42%, diện tích rừng các loại đạt 14,6 triệu ha; bảo vệ cơ sở hạ tầng về phòng cháy rừng tự nhiên.

- Hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình ven sông, suối, sườn đồi, núi để hạn chế rủi ro do lũ quét, sạt lở đất gây ra.

b) Phòng chống lũ, mưa lớn, ngập lụt

- Thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân và các kỹ năng phòng tránh lũ, mưa lớn, ngập lụt.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt ứng với các tình huống lũ, vận hành xã lũ hồ chứa.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều, hồ chứa, công trình chống ngập lụt.

- Vận hành và khai thác hiệu quả các công trình hồ chứa tham gia giảm lũ cho hạ du, công trình làm chậm lũ và công trình phòng chống ngập lụt.

- Cải tạo lòng dẫn tăng cường khả năng thoát lũ, trong đó chú trọng mở rộng khẩu độ thoát lũ đối với cầu, cống trên các tuyến giao thông đảm bảo thoát lũ.

- Chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm thiên tai từng vùng.

- Hướng dẫn việc quản lý việc xây dựng nhà ở, công trình ven sông, kênh, rạch; khu đô thị, khu công nghiệp; bãi chứa vật liệu;...tránh làm gia tăng rủi ro thiên tai, hạn chế khả năng thoát lũ, phát sinh rủi ro thiên tai mới.

- Bố trí sắp xếp lại dân cư tại những khu vực ngập sâu, gây cản trở thoát lũ.

- Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý trang trại, xử lý chất thải, môi trường chăn nuôi trước, trong và sau ngập lụt.

c) Phòng chống bão mạnh, siêu bão, nước biển dâng

- Nâng cao nhận thức cộng đồng, kỹ năng phòng tránh bão mạnh, siêu bão, nước biển dâng.

- Cập nhật, hoàn thiện bản đồ ngập lụt nước biển dâng do bão mạnh, siêu bão.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và hệ thống các Đài thông tin duyên hải.
- Hướng dẫn tổ chức sản xuất trong khai thác, nuôi trồng thuỷ, hải sản và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản phù hợp với từng nhóm nghề, từng ngư trường, từng vùng sinh thái.
- Hướng dẫn phương tiện vận tải, tàu thuyền hoạt động trên biển và neo đậu tại bến khi có thiên tai.
- Hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình và sơ tán dân đến nơi an toàn chống bão, nước biển dâng.
- Xây dựng, củng cố, nâng cấp các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; công trình đê biển, đê cửa sông.
- d) Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất
 - Xác định và từng bước xây dựng hệ thống chỉ giới hành lang bảo vệ bờ sông, bờ biển trên cơ sở quy hoạch chỉnh trị sông, chống xâm thực bờ biển.
 - Di dời dân cư sinh sống tại những khu vực đang có diễn biến sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển đến nơi an toàn.
 - Hướng dẫn quản lý hiệu quả việc khai thác cát sỏi lòng sông, khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và sản xuất.
 - Hướng dẫn việc trồng và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển; xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thân thiện với môi trường.
- đ) Phòng chống nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét hại
 - Chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm thiên tai từng vùng.
 - Quản lý, vận hành hiệu quả các hồ chứa nước, công trình cấp nước, công trình kiểm soát mặn; ứng dụng khoa học công nghệ trong tưới tiết kiệm nước.
 - Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình chống hạn, chống ngập úng, chống xâm nhập mặn.
- e) Phòng chống động đất, sóng thần
 - Hướng dẫn kỹ năng phòng tránh động đất, sóng thần.
 - Đôn đốc, hướng dẫn quản lý bảo vệ các cồn cát ven biển; trồng rừng phòng hộ ven biển; xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông giảm thiểu tác động của sóng thần.
 - Hoàn thiện hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu, trong đó có cảnh báo sóng thần các tỉnh ven biển từ Hà Tĩnh đến Bà Rịa Vũng Tàu.
 - Hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình an toàn với động đất, sóng thần.

3. Các nhiệm vụ, dự án phòng chống thiên tai

Trên cơ sở định hướng xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2016 - 2020, dự kiến kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

- a) Đối với biện pháp phi công trình: Tổng số 08 nội dung.
- b) Đối với biện pháp công trình: Tổng số 249 dự án.

(cụ thể như phụ lục I, II, III và IV kèm theo)

4. Nguồn lực và tiến độ hàng năm, 5 năm thực hiện kế hoạch

a) Nguồn lực: Tổng kinh phí dự kiến 5 năm đề xuất: 123.612 tỷ đồng, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước 20.290 tỷ đồng bao gồm: nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cấp cho Bộ Nông nghiệp và PTNT hàng năm: 5.119 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư phát triển bối trí qua Bộ Nông nghiệp và PTNT thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 15.171 tỷ đồng.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 84.525 tỷ đồng.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): 18.796 tỷ đồng (418 tỷ đồng được bố trí cho các nhiệm vụ phi công trình; 18.378 tỷ đồng bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng công trình).

b) Tiến độ thực hiện kế hoạch hàng năm: được sắp xếp phân bổ trong phạm vi nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và đầu tư phát triển giao qua Bộ Nông nghiệp và PTNT hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Tổng cục Phòng, chống thiên tai

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai.

- Tổ chức thực hiện các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ.

- Chủ trì rà soát kế hoạch thực hiện hàng năm phù hợp với kế hoạch phân bổ nguồn vốn được bố trí.

- Tổng hợp tiến độ thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Bộ vào tháng 10 hàng năm làm cơ sở để tổng hợp, lồng ghép, bổ sung vào kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT.

b) Vụ Kế hoạch

- Chủ trì lồng ghép vào kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở để triển khai thực hiện.

- Cân đối, bố trí kinh phí đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được phân bổ hàng năm thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan liên quan để xuất nguồn vốn ODA báo cáo Bộ để bố trí cho các danh mục ưu tiên để thực hiện kế hoạch.

- Theo dõi, giám sát đầu tư, đảm bảo nguồn vốn đầu tư thực hiện đúng mục tiêu và có hiệu quả.

c) Vụ Tài chính

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ thuộc giải pháp phi công trình.

- Phối hợp rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện hàng năm phù hợp với số kinh phí được bố trí.

d) Các Tổng cục, Cục, Vụ liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện kế hoạch đáp ứng yêu cầu tiến độ, khối lượng, chất lượng các danh mục.

- Phối hợp rà soát kế hoạch hàng năm, sắp xếp thứ tự các danh mục ưu tiên thực hiện phù hợp với kế hoạch vốn được phân bổ.

- Thường xuyên báo cáo tiến độ và báo cáo định kỳ hàng năm trong tháng 9 gửi Tổng cục Phòng, chống thiên tai để tổng hợp báo cáo Bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

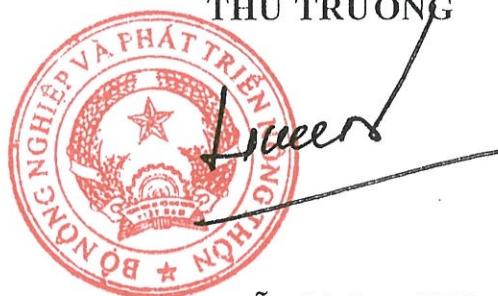
Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu VT, PCTT (VT, KSAT_3b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THÚ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
 (Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng hợp	
		Số nhiệm vụ/dự án	Dự kiến tổng kinh phí
	NHIỆM VỤ PHI CÔNG TRÌNH	123	5.537.981
A	Nguồn vốn SNKT	115	5.119.580
I	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch	13	3.740
II	Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng	4	13.500
III	Thiết kế quy hoạch, điều tra cơ bản	61	471.000
III.1	Thiết kế quy hoạch	37	343.000
III.2	Điều tra cơ bản	24	128.000
IV	Duy tu bão dường, xử lý cấp bách công trình phòng chống thiên tai	3	3.682.500
V	Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế	27	435.560
V.1	Khoa học công nghệ	21	408.850
V.2	Hợp tác quốc tế	6	26.710
VI	Công tác thường trực PCTT	3	200.000
VII	Thanh tra, kiểm tra	3	3.500
VIII	Các nhiệm vụ khác	1	309.780
B	Nguồn vốn ODA	8	418.401
	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	249	118.074.861
I	Nguồn vốn NSNN	85	15.171.192
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	8	663.910
-	Các dự án sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	2	310.635
-	Thủy sản	6	353.275
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	77	14.507.282
-	Các dự án sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai quốc gia, liên tỉnh	7	4.218.000
-	Các dự án theo vùng Kinh tế	45	5.508.282
-	Thủy sản	25	4.781.000
II	Nguồn vốn TPCP	152	84.525.229
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	4	6.443.000
-	Các dự án sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	4	6.443.000
-	Thủy sản	0	0
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	148	78.082.229
-	Các dự án sửa chữa, nâng cấp công trình quốc gia, liên tỉnh	13	8.537.796
-	Các dự án theo vùng kinh tế	135	69.544.433
III	Nguồn vốn ODA	12	18.378.440
III.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	9	13.660.270
III.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	3	4.718.170
	TỔNG SỐ	372	123.612.842

16

Phụ lục II

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(NHIỆM VỤ PHI CÔNG TRÌNH - NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ & ODA)
(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
TỔNG CỘNG			5.537.981		
A	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		5.119.580		
I	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch		3.740		
1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>		240		
1.1	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 160/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai	2021	30	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 Tổng cục PCTT và các cơ quan thuộc Bộ	
1.2	Nghị định thay thế Nghị định 94/2014/NĐ-CP và Nghị định 83/2019/NĐ-CP quy định về thành lập, quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai	2021	30		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.3	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều	2022	60		
1.4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	2021	15		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung bão đầm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đề điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê	2021	15		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.6	Thông tư hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương	2021	15		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.7	Thông tư ban hành quy định chung đầm bão yêu cầu phòng, chống thiên tai và quy định cụ thể bão đầm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	2021	15		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.8	Thông tư về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đề điều	2021	30		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.9	Thông tư hướng dẫn kỹ thuật về duy tu, bảo dưỡng đê điều	2021	30		Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020
1.10	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 46/2011/TT-BNNPTNT về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều	2022	30		
2	<i>Xây dựng chương trình, đề án</i>		2.000		
2.1	Chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia	2021	2.000	Tổng cục PCTT	
3	<i>Xây dựng kế hoạch</i>		1.500		
3.1	Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026-2030	2025	1.000		

✓

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
3.2	Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp Bộ giai đoạn 2026-2030	2025	500	Tổng cục PCTT	
II	Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng		13.500		
1	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025	5.000		
2	Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng thuộc các hoạt động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025	5.000	Tổng cục PCTT	
3	Biên soạn, phổ biến sổ tay phòng chống thiên tai tới các cấp chính quyền địa phương và tổ chức, cá nhân	2022-2025	1.500		
4	Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ NN&PTNT quản lý	2021-2025	2.000	Tổng cục Thủy Lợi	
III	Thiết kế quy hoạch, điều tra cơ bản		471.000		
III.1	Thiết kế quy hoạch		343.000		
1	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh		112.000		
1.1	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	25.000		
1.2	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng-Thái Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	12.000		
1.3	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Băng Giang-Kỳ Cùng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	10.000		
1.4	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	12.000		
1.5	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Srêpôk thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2022-2023	12.000	Tổng cục Thủy Lợi	
1.6	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Sê San thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2022-2023	12.000		
1.7	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Kone-Hà Thanh thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2023-2024	10.000		
1.8	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Thạch Hãn-Bến Hải thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2023-2024	7.000		
1.9	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cà thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2024-2025	12.000		
2	Quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi liên quan 02 tỉnh trờ lên		127.000		
2.1	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà	2021-2022	8.000		
2.2	Quy hoạch thủy lợi hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	2021-2022	10.000		
2.3	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng	2021-2022	10.000		
2.4	Quy hoạch hệ thống thủy lợi sông Nhuệ	2021-2022	10.000		
2.5	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bắc Đuống	2022-2023	8.000		
2.6	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Đồng Tháp Mười	2022-2023	8.000		
2.7	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên	2022-2023	7.000		
2.8	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Ia Mô	2022-2023	6.000	Tổng cục Thủy Lợi	
2.9	Quy hoạch hệ thống thủy lợi sông Cầu	2022-2023	8.000		
2.10	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Cầu Sơn-Cẩm Sơn	2022-2023	6.000		
2.11	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Đại Lải	2022-2023	6.000		
2.12	Quy hoạch hệ thống thủy lợi An Kim Hải	2023-2024	5.000		
2.13	Quy hoạch hệ thống thủy lợi An Trạch	2023-2024	5.000		
2.14	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Suối Giai	2023-2024	5.000		
2.15	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Ô Môn -Xà No	2023-2024	7.000		

l/c

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
2.16	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Quần Lộ-Phụng Hiệp	2023-2024	8.000	Tổng cục Thủy Lợi	
2.17	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bảo Định	2024-2025	5.000		
2.18	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Nam Măng Thịt	2024-2025	5.000		
3	Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê		44.000		
3.1	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	2021-2022	15.000		
3.2	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Đáy	2021-2022	7.000		
3.3	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Cà	2021-2022	7.000	Tổng cục PCTT	
3.4	Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê gồm sông Đà, sông Thao và sông Lô, tập trung vào các khu vực có nguy cơ ngập lũ cao các tỉnh miền núi phía Bắc	2021-2022	5.000		
3.5	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Mã	2022-2023	10.000		
4	Quy hoạch đê điều		60.000		
4.1	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	2021-2022	5.000		
4.2	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Đáy	2021-2022	5.000		
4.3	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Cà	2021-2022	5.000	Tổng cục PCTT	
4.4	Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	2021-2022	20.000		
4.5	Quy hoạch hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang	2022-2023	25.000		
III.2	Điều tra cơ bản		128.000		
1	Điều tra về các mô hình khắc phục hậu quả thiên tai diễn hình gắn với sinh kế bền vững và xây dựng nông thôn mới	2021-2023	4.500		
2	Điều tra, đánh giá và đề xuất bố trí lại dân cư ven các sông chính vùng DBSCL	2021-2025	5.000		
3	Điều tra, thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	2.021	2.500	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
4	Điều tra, giám sát hiện trạng sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất các cảnh báo, giải pháp xử lý	2021-2025	10.000		
5	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng DBSCL và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển	2022-2025	5.000	Tổng cục PCTT	
6	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển	2022-2025	4.000		
7	Điều tra cơ bản về lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, suối khu vực miền núi phía Bắc.	2021-2023	3.000		
8	Điều tra cơ bản về lũ quét, sạt lở đất khu vực miền núi khu vực duyên hải miền Trung và khu vực Tây Nguyên	2021-2025	4.500		
9	Điều tra khu vực rủi ro ngập lụt mới phát sinh do phát triển hạ tầng giai đoạn 2015-2019 một số tỉnh khu vực ven biển miền Trung	2021-2022	5.000		
10	Điều tra, giám sát hiện trạng sạt lở bờ sông Ba, đề xuất các cảnh báo, giải pháp xử lý	2022-2025	3.000		
11	Giám sát xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp	2021	5.000		
12	Điều tra, đánh giá hiệu quả tưới cho các vùng cây ăn trái chủ lực tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề	2021-2023	7.000		

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
3.2	Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp Bộ giai đoạn 2026-2030	2025	500	Tổng cục PCTT	
II	Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng		13.500		
1	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025	5.000		
2	Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng thuộc các hoạt động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025	5.000	Tổng cục PCTT	
3	Biên soạn, phổ biến sổ tay phòng chống thiên tai tới các cấp chính quyền địa phương và tổ chức, cá nhân	2022-2025	1.500		
4	Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ NN&PTNT quản lý	2021-2025	2.000	Tổng cục Thủy Lợi	
III	Thiết kế quy hoạch, điều tra cơ bản		471.000		
III.1	Thiết kế quy hoạch		343.000		
1	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh		112.000		
1.1	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	25.000		
1.2	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng-Thái Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	12.000		
1.3	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Băng Giang-Kỳ Cùng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	10.000		
1.4	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	12.000		
1.5	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Srêpôk thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2022-2023	12.000	Tổng cục Thủy Lợi	
1.6	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Sê San thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2022-2023	12.000		
1.7	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Kone-Hà Thanh thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2023-2024	10.000		
1.8	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Thạch Hãn-Bến Hải thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2023-2024	7.000		
1.9	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cà thời kỳ 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2024-2025	12.000		
2	Quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi liên quan 02 tỉnh trơ lén		127.000		
2.1	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà	2021-2022	8.000		
2.2	Quy hoạch thủy lợi hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	2021-2022	10.000		
2.3	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng	2021-2022	10.000		
2.4	Quy hoạch hệ thống thủy lợi sông Nhuệ	2021-2022	10.000		
2.5	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bắc Đuống	2022-2023	8.000		
2.6	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Đồng Tháp Mười	2022-2023	8.000		
2.7	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên	2022-2023	7.000		
2.8	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Ia Mơ	2022-2023	6.000	Tổng cục Thủy Lợi	
2.9	Quy hoạch hệ thống thủy lợi sông Cầu	2022-2023	8.000		
2.10	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Cầu Sơn-Cẩm Sơn	2022-2023	6.000		
2.11	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Đại Lải	2022-2023	6.000		
2.12	Quy hoạch hệ thống thủy lợi An Kim Hải	2023-2024	5.000		
2.13	Quy hoạch hệ thống thủy lợi An Trạch	2023-2024	5.000		
2.14	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Suối Giai	2023-2024	5.000		
2.15	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Ô Môn-Xà No	2023-2024	7.000		

l/c

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
2.16	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Quản Lộ-Phụng Hiệp	2023-2024	8.000	Tổng cục Thủy Lợi	
2.17	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Bảo Định	2024-2025	5.000		
2.18	Quy hoạch hệ thống thủy lợi Nam Măng Thịt	2024-2025	5.000		
3	Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê		44.000		
3.1	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	2021-2022	15.000	Tổng cục PCTT	
3.2	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Đáy	2021-2022	7.000		
3.3	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Cà	2021-2022	7.000		
3.4	Quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê gồm sông Đà, sông Thao và sông Lô, tập trung vào các khu vực có nguy cơ ngập lũ cao các tỉnh miền núi phía Bắc	2021-2022	5.000		
3.5	Quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê đối với hệ thống sông Mã	2022-2023	10.000		
4	Quy hoạch đê điều		60.000		
4.1	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	2021-2022	5.000	Tổng cục PCTT	
4.2	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Đáy	2021-2022	5.000		
4.3	Quy hoạch đê điều hệ thống sông Cà	2021-2022	5.000		
4.4	Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	2021-2022	20.000		
4.5	Quy hoạch hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang	2022-2023	25.000		
III.2	Điều tra cơ bản		128.000		
1	Điều tra về các mô hình khắc phục hậu quả thiên tai điển hình gắn với sinh kế bền vững và xây dựng nông thôn mới	2021-2023	4.500		
2	Điều tra, đánh giá và đề xuất bố trí lại dân cư ven các sông chính vùng DBSCL	2021-2025	5.000		
3	Điều tra, thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	2021	2.500	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
4	Điều tra, giám sát hiện trạng sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất các cảnh báo, giải pháp xử lý	2021-2025	10.000		
5	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng DBSCL và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển	2022-2025	5.000		
6	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển	2022-2025	4.000		
7	Điều tra cơ bản về lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, suối khu vực miền núi phía Bắc.	2021-2023	3.000		
8	Điều tra cơ bản về lũ quét, sạt lở đất khu vực miền núi khu vực duyên hải miền Trung và khu vực Tây Nguyên	2021-2025	4.500		
9	Điều tra khu vực rủi ro ngập lụt mới phát sinh do phát triển hạ tầng giai đoạn 2015-2019 một số tỉnh khu vực ven biển miền Trung	2021-2022	5.000		
10	Điều tra, giám sát hiện trạng sạt lở bờ sông Ba, đề xuất các cảnh báo, giải pháp xử lý	2022-2025	3.000		
11	Giám sát xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp	2021	5.000		
12	Điều tra, đánh giá hiệu quả tưới cho các vùng cây ăn trái chủ lực tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề	2021-2023	7.000		

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
	xuất các giải pháp đảm bảo cấp nước bền vững trong tình hình thiếu nước, xâm nhập mặn				
13	Điều tra, đánh giá hiện trạng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển các tỉnh Đồng Nai Bô, Tây Nguyên và đề xuất giải pháp phòng chống sạt lở	2021-2025	5.000	Tổng cục Thủy lợi	
14	Điều tra, đánh giá hiện trạng và xác minh nguồn xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa	2021-2023	7.500		
15	Điều tra, đánh giá sa mạc hóa và đề xuất giải pháp thủy lợi nhằm khai thác hiệu quả vùng đất ven biển các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận	2021-2023	5.500		
16	Điều tra, đánh giá hiện trạng và xác minh nguồn xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	2021-2023	7.500		
17	Điều tra, đánh giá hiện trạng và xác minh nguồn xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà	2021-2023	7.500		
18	Đo đạc, dự báo dòng chảy, xâm nhập mặn hạ du sông Hồng - Thái Bình, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước gieo lúa vụ Đông Xuân, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ	2021	4.000		
19	Điều tra, đánh giá hiệu quả và giá trị sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành sử dụng nước khác tại các vùng khan hiếm nước và đề xuất giải pháp nâng cao giá trị sử dụng tổng hợp nguồn nước và phục vụ chuyên đổi sản xuất nông nghiệp	2021-2023	10.000		
20	Điều tra, đánh giá hiệu quả công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT trực tiếp quản lý và công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan tới 2 tỉnh trở lên	2021-2023	5.000		
21	Điều tra cơ bản đánh giá chất lượng đội tàu cá của Việt Nam để đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn cho người tàu cá, nâng cao hiệu quả bảo quản sau thu hoạch trên tàu cá	2021-2022	3.000	Tổng cục Thủy sản	
22	Đánh giá rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu cho vật nuôi	2021-2025	7.500	Cục Chăn nuôi	
23	Điều tra, đánh giá vật liệu cháy rừng tại các khu vực trọng điểm trên toàn quốc làm cơ sở cảnh báo cháy rừng phục vụ công tác quản lý phòng cháy chữa cháy rừng và phòng chống thiên tai của Bộ Nông nghiệp và PTNT	2021-2025	5.000	Tổng cục Lâm nghiệp	
24	Đánh giá tác động, thiệt hại của thiên tai (bão, lũ, ATND, hạn hán, xâm nhập mặn) đến nuôi trồng thủy sản, đề xuất giải pháp tổ chức sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu	2021-2022	2.000	Tổng cục PCTT	
IV	Duy tu bảo dưỡng, xử lý cấp bách công trình phòng chống thiên tai		3.682.500		
1	Duy tu bảo dưỡng đê sông, đê biển các tỉnh thành phố có đê từ cấp III trở lên	2021-2025	2.800.000	Tổng cục PCTT	
2	Xử lý cấp bách công trình đê điều	2021-2025	860.000		
3	Bảo trì cho các đập, hồ chứa nước do Bộ quản lý và các hồ chứa nước liên tỉnh trong kế hoạch	2021-2025	22.500	Tổng cục Thủy lợi	
V	Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế		435.560		
V.I	Khoa học công nghệ		408.850		

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội	2021	800		
2	Nghiên cứu đề xuất, ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ phù hợp trong phòng, chống và giảm thiểu rủi ro lũ quét tại khu vực miền núi phía Bắc	2021	800		
3	Nghiên cứu ứng dụng mô hình kinh tế để lượng hóa tác động của thiên tai và đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến trồng trọt, thủy sản, cơ sở hạ tầng có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu.	2021	1.000		
4	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bả kiểm soát mối Macrotermitinae gây hại công trình đê, đập ở miền Bắc Việt Nam	2021-2022	2.250		
5	Nghiên cứu ứng dụng, phát triển kết cấu chống tràn cho đê sông do lũ.	2021-2022	2.000	Tổng cục PCTT	
6	Nghiên cứu ảnh hưởng của phát triển công trình hạ tầng đến kiểm soát lũ vùng ven các tỉnh từ Bình Phước đến Kiên Giang	2021-2022	2.300		
7	Chương trình KHCN trọng điểm Quốc gia về phòng, chống thiên tai tại vùng đồng bằng sông Hồng và DBSCL	2022-2025	320.000		
8	Nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH, NBD và biến đổi lòng dãy đối với hệ thống đê cửa sông hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	2021-2022	10.000		
9	Nghiên cứu đánh giá nguyên nhân và giải pháp ứng phó tình hình gia tăng rủi ro thiên tai lũ vùng duyên hải Nam Trung Bộ	2021-2023	9.000		
10	Xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật thực hiện dịch vụ công trong phòng chống thiên tai.	2021-2023	3.500		
11	Nghiên cứu mùa vụ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng mô hình sản xuất trong nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2021-2025	50.000	Tổng cục Thủy sản	
12	Xây dựng hệ thống mô phỏng kỹ thuật hướng dẫn công tác chuẩn bị ứng phó trước, trong và sau bão, lũ, ATND đối với khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản	2022	5.000		
13	Công trình đê điều - Tiêu chuẩn thiết kế cống qua đê	2021	200	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
14	Công trình đê điều - Tiêu chuẩn khoan phut vữa gia cố nền đê, xử lý nền cống mang cống bằng công nghệ khoan vữa hai nút (nút kép)	2023-2024	500		
15	Tiêu chuẩn "Thành phần khói lượng khảo sát địa chất – Phần 1. Công trình đê điều"	2021	100	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
16	Tiêu chuẩn "Thành phần khói lượng khảo sát địa chất – Phần 2. Công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển"	2021	100	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
17	Tiêu chuẩn "Thành phần khói lượng khảo sát địa hình – Phần 1. Công trình đê điều"	2021	100	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
18	Tiêu chuẩn "Thành phần khói lượng khảo sát địa hình – Phần 2. Công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển"	2021	100	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
19	Tiêu chuẩn "Quy trình khảo sát, đánh giá diễn biến lòng sông, bờ biển"	2021	200	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	
20	Tiêu chuẩn thiết kế cống	2021-2022	400	Tổng cục Thủy lợi	

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
21	TCVN “Yêu cầu thiết kế, thi công kè giảm sóng, gây bồi, tạo bãi bằng cọc ly tâm”	2021	500	Tổng cục PCTT	
V.2	<i>Hợp tác quốc tế</i>		<i>26.710</i>		
1	Hội thảo và triển lãm quốc tế về Khoa học công nghệ trong phòng chống thiên tai	2021	4.100		
2	Hợp tác ASEAN	2021-2025	5.100		
3	Đóng góp quỹ trung tâm điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo trong quản lý thảm họa	2021-2025	11.660		
4	Văn phòng Đổi mới Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRRP)	2021-2025	2.500		
5	Tổ chức các hội nghị Bộ trưởng, hội thảo kỹ thuật quốc tế về hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai	2021-2025	2.500		
6	Đóng góp quỹ ADRC	2021-2025	850		
VI	Công tác thường trực PCTT		200.000		
1	Văn phòng thường trực	2021-2025	175.000	Tổng cục PCTT	
2	Các hoạt động phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng	2021-2025	20.000	Tổng cục Thủy lợi	
3	Các hoạt động phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn trong Thủy sản	2021-2025	5.000	Tổng cục Thủy sản	
VII	Thanh tra, kiểm tra		3.500		
1	Thanh tra, kiểm tra về chấp hành pháp luật về phòng chống thiên tai và đê điều	2021-2025	1.500	Tổng cục PCTT	
2	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi	2021-2025	1.000	Tổng cục Thủy lợi	
3	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ công trình cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão	2021-2025	1.000	Tổng cục Thủy sản	
VIII	Các nhiệm vụ khác		309.780		
1	Các hoạt động không thường xuyên khác phục vụ công tác phòng, chống thiên tai	2021-2025	309.780	Các cơ quan thuộc Bộ	

B	NGUỒN VỐN ODA		418.401		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		173.278		
1	Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ khí hậu xanh viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (GCF)	2021	63.893		
2	Dự án "Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long"	2021	102.564		
3	Dự án Tăng cường quyền con người và bình đẳng giới thông qua các hoạt động về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (EMPOWER)	2021-2022	6.821		
II	Dự án mới trong giai đoạn 2021-2025		245.123		
1	Tăng cường khả năng chống chịu khí hậu cực đoan cho khu vực đô thị Đông Nam Á (URCE)	2021-2024	12.353		

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí	Cơ quan chủ trì thực hiện CPO	Ghi chú
2	Xây dựng phương án chỉnh trị sông, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL	2021-2022	20.000		
3	Xây dựng hệ thống mô phỏng lũ, ngập lụt vùng ĐBSCL	2021-2022	22.000		
4	Giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai thông qua sự tham gia của khối công tư trong khai thác cát bền vững ĐBSCL	2021-2023	61.655		
5	Dự án Nâng cao năng lực giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất khu vực miền núi phía Bắc sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản	2021-2024	129.115		

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH – NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC)**

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
	TỔNG SỐ			15.171.192	84.525.229
A	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			663.910	6.443.000
I	Các dự án sửa chữa nâng cấp, xây dựng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai			310.635	6.443.000
1	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Hưng Hải (GD 2)				
1.1	- Cải tạo, nâng cấp bờ kèn trực chính hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải	5 tỉnh: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh Nam Định, Hà Nam	2021-2025		1.433.000
1.2	- Gia cố cửa ngoài công Xuân Quan và kèn trong Xuân Quan - Báo Đáp		2021-2025		219.000
1.3	- Thay cánh cổng và máy đóng mở cổng Bá Thủy hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải		2021-2023		21.000
1.4	- Công và áu thuyền Nghi Xuyên		2021-2025		350.000
2	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Nam Hà (GD 2)				
2.1	- Dự án Sửa chữa, nâng cấp công lấp nước trạm bơm Vĩnh Trị I, trạm bơm Nhâm Tràng		2021-2023		100.000
2.2	- Nâng cấp trạm bơm Sông Chanh		2021-2025		850.000
2.3	- Xây dựng trạm bơm Quỹ Độ II		2021-2025		250.000
2.4	- Gia cố kèn tưới chính trạm bơm Như Trác và Kênh dẫn thương lưu cụm công trình đầu mối công Âu Thuyền Tắc Giang		2021-2025		300.000
3	HTTL cống Cái Lớn - Cái Bé (GD 2)	Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang	2021-2025		2.500.000
4	Chống ngập úng kết hợp nuôi trồng thủy sản thị xã Chí Linh, Hải Dương	Hải Dương	2021-2023	136.635	
5	Tiêu úng vùng III huyện Nông Công, Thanh Hóa (giai đoạn II)	Thanh Hóa	2021-2025		420.000
6	Tiêu úng vùng III huyện Nông Công, Thanh Hóa (giai đoạn I)	Thanh Hóa	2021-2022	174.000	
II	Thủy săn			353.275	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, Bình Thuận (GD 1)	Bình Thuận	2021-2025	89.914	
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Thọ Quang, Đà Nẵng	Đà Nẵng	2021-2022	79.012	
3	Trạm kiểm ngư Phú Quốc, Kiên Giang	Kiên Giang	2021	54.789	
4	Nâng cấp cảng cá Tắc Cậu, Kiên Giang	Kiên Giang	2021-2022	17.682	
5	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Gành Hào, Bạc Liêu	Bạc Liêu	2021-2022	89.096	
6	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, Sóc Trăng	Sóc Trăng	2021-2022	22.782	
B	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			14.507.282	78.082.229
I	Các dự án sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai quốc gia, liên tỉnh			4.218.000	8.537.796
1	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành PCTT Quốc gia	Hà Nội	2021-2025	600.000	
2	Xử lý cấp bách, đảm bảo an toàn hồ chứa nước	Các địa phương liên quan	2021-2025	1.500.000	

✓

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
3	Dự án tu bồi, nâng cấp hệ thống đê từ cấp III đến cấp đặc biệt đảm bảo an toàn chống lũ, bão thiết kế	Các địa phương liên quan	2021-2025	1.500.000	
4	Nâng cấp, sửa chữa công trình phòng cháy, chữa cháy rừng tại các vườn Quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý	Các địa phương liên quan	2021-2025	100.000	
5	Sửa chữa, nâng cấp HTTL Cầu Sơn-Cẩm Sơn	Lạng Sơn, Bắc Giang	2021-2025		390.000
6	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Sông Cầu (cải tạo, nâng cấp đập Thác Huống-Đá Gân; tu bồi sửa chữa kênh chính, kênh trôi, kênh N5 và các trạm bơm)	Bắc Giang, Thái Nguyên	2021-2025		290.000
7	Dự án Xây dựng hệ thống trực canh, cảnh báo thiên tai, đa mục tiêu (GD2)	13 tỉnh ven biển (Hà Tĩnh đến Bà Rịa - Vũng Tàu)	2021-2025	211.000	
8	Cải tạo, nâng cấp HTTL sông Nhuệ				
8.1	- Sửa chữa, nâng cấp Cổng Lương cổ, cổng Nhật Tựu		2021-2025		207.796
8.2	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chợ Lương và xây dựng trạm bơm Tân Sơn 2	Hà Nội, Hà Nam	2021-2025		450.000
8.3	- Nạo vét, cải tạo lòng dẫn sông Nhuệ đoạn từ cổng Liên Mạc đến đường vòng đai 4		2021-2025		800.000
9	Trạm bơm Ấp Bắc	Hà Nội, Bắc Ninh	2021-2025	100.000	
10	SCNC Hệ thống thủy lợi Bắc Đuống (Kênh Bắc Trịnh Xá và kênh Long Tứu)		2021-2025	120.000	
11	Hệ thống tiếp nguồn Quang Trung - Vĩnh Trụ	Hà Nam, Nam Định	2021-2025		400.000
12	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi An Trạch	Quảng Nam, Đà Nẵng	2021-2025		200.000
13	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa (GD2)				
13.1	- Nạo vét, gia cố, nâng cấp CT trên kênh tiêu Phước Hội - Bến Đình	Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước	2021-2025	62.000	
13.2	- Thiết bị quan trắc, quản lý vận hành		2021-2025	25.000	
13.2	- Kênh Tây (phản còn lại 19,4 km)		2021-2025		750.000
14	Dự án HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản phía nam tỉnh Bạc Liêu và Chống ngập do triều cường, nước biển dâng, sạt lún đất (ngập QL1A, TP Bạc Liêu,...);	Sóc Trăng, Bạc Liêu	2021-2025		1.200.000
15	Nạo vét kênh trực Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang	2021-2025		850.000
16	Kênh Xã Tàu - Sóc Tro thuộc HT các kênh nội sông Tiền - sông Hậu	Đồng Tháp, Vĩnh Long	2021-2025		400.000
17	Hệ thống chuyển nước chủ động sản xuất, phòng chống hạn, mặn cho vùng cuối dự án Nam Mang Thít, tỉnh Trà Vinh	Vĩnh Long, Trà Vinh	2021-2025		900.000
18	Nạo vét các kênh trực tiêu thoát lũ, cấp nước, giao thông thủy vùng Tứ giác Long - Xuyên	An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang	2021-2025		750.000
19	Hoàn thiện Dự án Bảo Định	Long An, Tiền Giang	2021-2025		650.000
20	Hoàn thiện Dự án Nhựt Tảo – Tân Trụ	Long An, Tiền Giang	2021-2025		300.000
II	Các dự án theo vùng kinh tế			5.508.282	69.544.433
II.I	Miền núi phía Bắc			1.671.198	11.869.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
1.1	Chỉnh trị suối Chăn, huyện Văn Bàn, Lào Cai	Lào Cai	2021-2025	114.000	
1.2	CT bờ hữu sông Hồng (GĐ 2): đoạn từ suối Ngòi Đường đến suối Ngòi Bo (TP Lào Cai) và đoạn từ Thị trấn Phố Lu đến suối Ngòi Nhù (huyện Bảo Thắng)	Lào Cai	2021-2025		1.000.000
1.3	Hồ chứa nước Phiêng Lúc, Lai Châu	Lai Châu	2021-2025		330.000
1.4	Hồ chứa nước Giang Ma, Lai Châu	Lai Châu	2021-2025		390.000
1.5	Hồ chứa nước Bản Phủ, Điện Biên	Điện Biên	2021-2025		450.000
1.6	Hồ chứa nước Nậm Xà, Điện Biên	Điện Biên	2021-2025		406.000
1.7	Hồ chứa nước Huổi Trạng Tai, Điện Biên	Điện Biên	2021-2025	196.758	
1.8	Hồ chứa nước Huổi Bè, Điện Biên	Điện Biên	2021-2025	85.440	
1.9	Hồ chứa nước Khuổi Dáng, Cao Bằng	Cao Bằng	2021-2025	80.000	
1.10	Cụm công trình thủy lợi huyện Bạch Thông, Bắc Kạn	Bắc Kạn	2021-2025	55.000	
1.11	CT chống sạt lở sông Năng, Bắc Kạn	Bắc Kạn	2021-2025	130.000	
1.12	Hồ chứa nước Khuổi Hù, Bắc Kạn	Bắc Kạn	2021-2025		1.000.000
1.13	Cụm hồ chứa nước Khuổi Vàng, Bản Lũng, Cao Bằng	Cao Bằng	2021-2025		230.000
1.14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tưới ven sông Lô, sông Chảy, tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	2021-2025	200.000	
1.15	Hệ thống kênh mương hồ Ngòi Giành, Phú Thọ	Phú Thọ	2021-2025		1.500.000
1.16	Hệ thống kênh mương hồ Cánh Tạng, Hòa Bình	Hòa Bình	2021-2025		1.165.000
1.17	Hồ chứa nước Thương Tiến, Hòa Bình	Hòa Bình	2023-2025		600.000
1.18	Đê, CT chống sạt lở suối Chăm, Hòa Bình	Hòa Bình	2021-2025		550.000
1.19	SCNC hồ Yên Lập, Quảng Ninh	Quảng Ninh	2021-2025	100.000	
1.20	CT chống sạt lở bờ sông huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh	Quảng Ninh	2021-2025		200.000
1.21	Hồ Cao Ngõi, Tuyên Quang	Tuyên Quang	2021-2025		265.000
1.22	SCNC hồ Păng Mò, Tuyên Quang	Tuyên Quang	2021-2025		120.000
1.23	Tuyến đê An Khang - Thái Long, Tuyên Quang	Tuyên Quang	2021-2025		140.000
1.24	Tuyến đê Vân Sơn, Tuyên Quang	Tuyên Quang	2021-2025		200.000
1.25	Hồ Đát Đèn, Tuyên Quang	Tuyên Quang	2021-2025	170.000	
1.26	Hệ thống kênh mương hồ Bản Lải, Lạng Sơn	Lạng Sơn	2021-2025		450.000
1.27	Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn	2021-2025		200.000
1.28	Cụm công trình thuỷ lợi Vạn Linh, huyện Chi Lăng, Lạng Sơn	Lạng Sơn	2021-2025		200.000
1.29	Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng - Văn Quang, Lạng Sơn	Lạng Sơn	2021-2025	120.000	
1.30	Cải tạo, nâng cấp Đập Thác Huống, Kênh chính, Kênh Trôi và tuyến kênh N5, trạm bơm và kênh tiêu các trạm bơm Cảm Bào, Việt Hòa, Hữu Nghị, Giá Sơn, Liên Chung, Bắc Giang	Bắc Giang	2021-2025		290.000
1.31	Tu bồi, chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000-K14+700; Bắc Giang	Bắc Giang	2021-2025		300.000
1.32	Công trình chống sạt lở bờ sông Hồng khu vực Cổ Phúc, Yên Bai	Yên Bai	2021-2025		322.000
1.33	Công trình chống sạt lở bờ sông Hồng (khu vực hợp Minh), Yên Bai	Yên Bai	2021-2025		106.000
1.34	Hệ thống thủy lợi Nậm Lùng, Yên Bai	Yên Bai	2021-2025	120.000	
1.35	Cụm công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt phát triển vùng động lực huyện Bắc Quang, Quang Bình, Hà Giang	Hà Giang	2021-2025		500.000
1.36	Hệ thống kênh mương Nà Sản, Sơn La	Sơn La	2021-2025		225.000
1.37	CT chống sạt lở bờ suối Nậm Păm, Sơn La	Sơn La	2021-2025		250.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
1.38	Hồ Bằng Mặn	Sơn La	2021-2025	180.000	
1.39	Sửa chữa nâng cấp đập Đá Gân và Cống 10 cửa, Thái Nguyên	Thái Nguyên	2021-2025		200.000
1.40	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, tuyến đê sông Cầu, thị xã Phố Yên, Thái Nguyên	Thái Nguyên	2021-2025		280.000
1.41	Nâng cấp công trình thủy lợi hồ Gò Miếu, huyện Đại Từ, Thái Nguyên	Thái Nguyên	2021-2025	120.000	
II.2	Đồng bằng sông Hồng			800.000	9.426.968
2.1	Mở rộng nâng cao năng lực tuyến thoát lũ Mai Phương-Đầm Cút-Địch Lộng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	2021-2025	200.000	
2.2	Cải tạo hoàn thiện hệ thống thủy lợi 5 xã miền núi Năm Căn và xây dựng cáp bách hệ thống gạt lũ, tiêu úng 3 xã miền núi Đức Long, Gia Tường, Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	2021-2025		950.000
2.3	Củng cố, nâng cấp khẩn cấp đê Cồn Tròn, Hải Thịnh 2, Hải Thịnh 3, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, Nam Định	Nam Định	2021-2025		320.000
2.4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy nông Xuân Thuỷ, tỉnh Nam Định	Nam Định	2021-2025		996.000
2.5	Xây dựng hệ thống trạm bơm cống Mỹ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Nam Định	2021-2025		200.000
2.6	Xây dựng khẩn cấp hệ thống trạm bơm Hùng Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nam Định	2021-2025	150.000	
2.7	Gia cố kênh dẫn thượng lưu cụm công trình đầu mối cống, âu thuyền Tắc Giang; Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, Hà Nam	Hà Nam	2021-2025		300.000
2.8	Xây dựng trạm bơm Tân Sơn 2, Hà Nam	Hà Nam	2021-2025		200.000
2.9	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Phù Sa, Hà Nội	Hà Nội	2021-2025		429.648
2.10	Nâng cấp, cải tạo sông Đáy (GD2), Hà Nội	Hà Nội	2021-2025		600.000
2.11	Xử lý đầm bão ôn định khu vực cửa sông Đuống, Hà Nội	Hà Nội	2021-2025		500.000
2.12	Cải tạo, nâng cấp cống Vân Cốc, Hà Nội	Hà Nội	2021-2025		250.000
2.13	Cải tạo, nâng cấp sông Bản Vũ xá, Hưng Yên	Hưng Yên	2021-2025		305.000
2.14	Cải tạo, nâng cấp HTTL Kim Ngưu, Hưng Yên	Hưng Yên	2021-2025		202.000
2.15	Sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm vùng triều (khu Nam Thanh), Hải Dương	Hải Dương	2021-2025		640.000
2.16	Sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm vùng triều - hạ du sông Thái Bình (khu Kim Thành, Chí Linh), Hải Dương	Hải Dương	2021-2025		300.000
2.17	Xây dựng Hồ Đông Bùa, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2021-2025		250.000
2.18	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước Lập Đinh, Đồng Mỏ, Thanh Lanh, Văn Trụ, tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2021-2025	120.000	
2.19	Sửa chữa, nâng cấp đập Liễn Sơn tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2021-2025	150.000	
2.20	Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi trạm bơm Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Thái Bình	2021-2025		350.000
2.21	Hoàn thiện hệ thống thủy nông Đa Độ thành phố Hải Phòng	Hải Phòng	2021-2025		250.000
2.22	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống tiêu huyền huyện Vĩnh Bảo (Xây dựng trạm bơm Cộng Hiền và cụm công trình đầu mối tiêu Công Đapon), Hải Phòng	Hải Phòng	2021-2025		635.000
2.23	Nâng cấp tuyến đê biển III từ K0+000 đến K21+000 huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	Hải Phòng	2021-2025		300.000
2.24	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Chi 1, Bắc Ninh	Bắc Ninh	2021-2025		476.972
2.25	Trạm bơm Ngo Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	2021-2025		480.024
2.26	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Kim Đôi 1, thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	2021-2025		492.324
2.27	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tuần La - Chợ Đò (HTTN Nam Đuống), tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	2021-2025	180.000	
II.3	Bắc Trung Bộ			996.684	9.510.000
3.1	Hệ thống tiêu úng Đông Sơn (giai đoạn II), Thanh Hóa	Thanh Hóa	2021-2025		550.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
3.2	Tiêu thoát lũ sông Nhơm, Thanh Hóa	Thanh Hóa	2021-2025		624.000
3.3	Hệ thống kênh mương hồ Bản Mồng, Nghệ An	Nghệ An	2021-2025		3.904.000
3.4	HTTL Khe Lại - Vực Máu (GĐ2), Nghệ An	Nghệ An	2021-2025		400.000
3.5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Kênh Lam Trà, Nghệ An	Nghệ An	2021-2025	200.000	
3.6	Hệ thống thủy lợi Nậm Việc, Nghệ An	Nghệ An	2021-2025	170.000	
3.7	Hệ thống kênh mương hồ Ngàn Trươi - Cầm Trang, Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2021-2025		835.000
3.8	Hệ thống thủy lợi Đá Hàn (GĐ2), Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2021-2025		257.000
3.9	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2021-2025		950.000
3.10	Hệ thống thủy lợi tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2021-2025		250.000
3.11	Đập ngăn mặn Vĩnh Phước, tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	2021-2025		250.000
3.12	SCNC hồ Vực Tròn, Quảng Bình	Quảng Bình	2021-2025	196.684	
3.13	Nâng cấp công Mỹ Trung, tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2021-2025	60.000	
3.14	Sửa chữa Đập ngăn mặn Thảo Long, Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2021-2025	200.000	
3.15	Dự án Xây dựng Hệ thống thủy lợi Trạm bơm Liên Sơn, Ninh Thuận	Thừa Thiên Huế	2021-2025	170.000	
3.16	Hồ chứa nước Thủy Cam, Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2021-2025		490.000
3.17	Hồ chứa nước Ô Lâu Thượng, Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2021-2025		1.000.000
<i>II.4</i>	<i>Nam Trung Bộ</i>				<i>8.230.000</i>
4.1	Hồ Trường Đồng, tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	2021-2025		550.000
4.2	Công trình chống sạt lở bờ biển khu vực Tam Quang, Tam Hải và Tam Tiến, tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	2021-2025		600.000
4.3	SCNC HTTL Thạch Nham (GĐ 2) tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	2021-2025		400.000
4.4	HTTL hồ Chớp Vung - Liệt Sơn, Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	2021-2025		800.000
4.5	Hồ Đá Mài, tỉnh Bình Định	Bình Định	2021-2025		700.000
4.6	Xử lý cáp bách CT chống sạt lở bờ biển xóm Ró, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Phú Yên	2021-2025		140.000
4.7	CT chống sạt lở bờ biển khu vực xã Hòa Hiệp, Phú Yên	Phú Yên	2021-2025		250.000
4.8	Hồ Suối Cái, Phú Yên	Phú Yên	2021-2025		500.000
4.9	Hệ thống kênh mương hồ Sông Chò I, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025		600.000
4.10	Hồ Chà Rang (HTTL vùng tắm Ninh Lộc), Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025		350.000
4.11	Hồ Sông Cạn, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025		400.000
4.12	CT chống sạt lở bờ sông, bờ biển, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025		400.000
4.13	Hồ Đồng Diên, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025		1.000.000
4.14	HTTL Tân Mỹ, Ninh Thuận	Ninh Thuận	2021-2025		150.000
4.15	Dự án Nâng cấp, sửa chữa đê, kè biển Phú Thọ - Đông Hải cửa sông Cái Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	2021-2025		140.000
4.16	Dự án Đề Biển An Hải - Sơn Hải, huyện Thuận Nam, Ninh Thuận	Ninh Thuận	2021-2025		300.000
4.17	Kênh tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh Bình Thuận (Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, TX La Gi)	Bình Thuận	2021-2025		450.000
4.18	CT bảo vệ bờ biển, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	2021-2025		500.000
<i>II.5</i>	<i>Tây Nguyên</i>			<i>200.000</i>	<i>13.865.000</i>
5.1	Hệ thống kênh mương hồ Nam Xuân, Đăk Nông	Đăk Nông	2021-2025		200.000
5.2	Hồ Đăk Gân, Đăk Nông	Đăk Nông	2021-2025		600.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
5.3	CT chống sạt lở sông Krông Nô, Đăk Nông	Đăk Nông	2021-2025		400.000
5.4	Cụm CTTL Đăk Glei, Kon Tum	Kon Tum	2021-2025		400.000
5.5	HTTL liên hồ chứa Đăk Rô Gia, Kon Tum	Kon Tum	2021-2025		900.000
5.6	CT chống sạt lở sông Đăk Bla, Kon Tum	Kon Tum	2021-2025		1.000.000
5.7	CT chống sạt lở sông Đăk Pne, Kon Tum	Kon Tum	2021-2025		400.000
5.8	Hệ thống kênh mương hồ Krông pách Thượng, Đăk Lăk	Đăk Lăk	2021-2025		650.000
5.9	Hệ thống kênh mương hồ EaHleo I, Đăk Lăk	Đăk Lăk	2021-2025		955.000
5.10	Hồ chứa nước Krông HNăng, Đăk Lăk	Đăk Lăk	2021-2025		3.200.000
5.11	Hệ thống kênh mương hồ JaMơ, Gia Lai	Gia Lai	2021-2025		410.000
5.12	Hồ chứa nước Ia Thul, Gia Lai	Gia Lai	2021-2025		3.100.000
5.13	Hồ Ea Rsai, Gia Lai	Gia Lai	2021-2025		650.000
5.14	Hệ thống kênh mương hồ Đạ Sị, Lâm Đồng	Lâm Đồng	2021-2025		150.000
5.15	Hệ thống kênh mương hồ Đạ Lây, Lâm Đồng	Lâm Đồng	2021-2025		250.000
5.16	Hệ thống kênh mương hồ Đăk Lông Thượng, Lâm Đồng	Lâm Đồng	2021-2025		100.000
5.17	Hồ Hiệp Thuận, Lâm Đồng	Lâm Đồng	2021-2025		500.000
5.18	Công trình chống sạt lở suối Đạ Mi, Lâm Đồng	Lâm Đồng	2021-2025	200.000	
II.6	Đồng Nam Bộ				250.000
6.1	Trạm bơm La Ngà, huyện Xuân Lộc tưới cho 3 xã: Xuân Bắc, Xuân Thọ và Suối Cao, Đồng Nai	Đồng Nai	2021-2025		1.689.000
6.2	Cụm công trình thủy lợi huyện Dĩ An, Bình Dương	Bình Dương	2021-2025		360.000
6.3	Hệ thống đê kè thành phố Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	2021-2025		345.000
6.4	Sửa chữa nâng cấp hồ Suối Giai, Bình Phước	Bình Phước	2021-2025	100.000	
6.5	Hồ Phước Quà, Bình Phước	Bình Phước	2021-2025	150.000	
6.6	Cụm công trình thủy lợi thành phố Đồng Xoài, Bình Phước	Bình Phước	2021-2025		300.000
II.7	Đồng Bằng Sông Cửu Long				1.590.400
7.1	Hồ chứa nước ngọt Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa, Long An	Long An	2021-2025		718.672
7.2	Hồ chứa nước ngọt khu Bầu Biên – Vĩnh Hưng, Long An	Long An	2021-2025		427.000
7.3	CT chống xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu ven sông Vàm Cỏ Đông, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Long An	2021-2025		412.360
7.4	CT chống sạt lở đê bao bảo vệ thị xã Kiên Tường, tỉnh Long An	Long An	2021-2025		271.080
7.5	Sửa chữa nâng cấp cửa tự động thành cửa cưỡng bức các công trình vùng hạ, tỉnh Long An	Long An	2021-2025	70.000	
7.6	Hệ thống công (07 công) ngăn mặn dọc tuyến QL 62, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	Long An	2021-2025	87.000	
7.7	Nâng cấp bờ Nam kênh An Phong–Mỹ Hòa–Bắc Đông kết hợp giao thông nông thôn, tỉnh Long An	Long An	2021-2025	196.700	
7.8	Cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi Rạch Chanh phục vụ trữ nước chống hạn, tỉnh Long An	Long An	2021-2025	110.000	
7.9	Dự án Xử Lý sạt lở đê ven Sông Tiên tại 3 xã Hòa Hưng - An Lứu - Tân Thành, huyện Cái Bè, Tiền Giang	Tiền Giang	2021-2025		210.000
7.10	Dự án Hệ thống thủy lợi khu vực ven sông Tiên thuộc huyện Cái Bè, Tiền Giang	Tiền Giang	2021-2025		850.000
7.11	Các công trình ngăn triều trên địa bàn xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, Tiền Giang	Tiền Giang	2021-2025		283.000
7.12	Các công diều tiết bảo vệ vùng sản xuất thanh long thuộc hệ thống Bảo Định, tỉnh Tiền Giang	Tiền Giang	2021-2025	113.000	
7.13	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiên, Thành phố Cao Lãnh (Giai đoạn II), Đồng Tháp	Đồng Tháp	2021-2025		354.240
7.14	Dự án Chống biến đổi khí hậu- hồ trữ nước ngọt Gáo Giồng tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	2021-2025		325.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
7.15	Dự án Nâng cấp, cải tạo trạm bơm và công trình nội đồng tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	2021-2025		405.000
7.16	Công trình chống sạt lở Bình Thành đê và Phong Mỹ sông Tiền (giai đoạn 3 kè bờ), Đồng Tháp	Đồng Tháp	2021-2025	129.600	
7.17	Hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng Phụng Hiệp - Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	2021-2023		250.000
7.18	Nâng cấp, cải tạo kênh Nước Đục (khai thác bãi bồi Viên Lang), Hậu Giang	Hậu Giang	2021-2025		537.000
7.19	Xây dựng hồ chứa nước ngọt tĩnh Hậu Giang giai đoạn 2	Hậu Giang	2021-2023		230.000
7.20	Nâng cấp kênh Hậu Giang 3, tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	2021-2025	129.800	
7.21	Nâng cấp, cải tạo kênh trục KH9, tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	2021-2025	118.000	
7.22	Đê bao ngăn mặn Long Mỹ - Vị Thanh (GĐ 3), Hậu Giang	Hậu Giang	2021-2025	120.000	
7.23	Nâng cấp hệ thống đê sông toàn tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025		460.000
7.24	Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025		300.000
7.25	CT chống sạt lở khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025		270.000
7.26	Nạo vét kênh La Ghi - Trà Côn, tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025		424.113
7.27	Đầu tư xây dựng 14 trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025	187.300	
7.28	CT chống sạt lở sông Long Hồ (đoạn từ cầu Thiêng Đức đến cầu Chợ Cua), Vĩnh Long	Vĩnh Long	2021-2025		350.000
7.29	Dự án hoàn thiện đê bao sông Cổ Chiên (đoạn huyện Mang Thít) trong điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu, Vĩnh Long	Vĩnh Long	2021-2025		350.000
7.30	Dự án liên kết vùng Hệ thống thủy lợi kênh Trà Ngoa, Vĩnh Long	Vĩnh Long	2021-2025	154.000	
7.31	Dự án hệ thống công kết hợp trạm bơm chống ngập thành phố Vĩnh Long	Vĩnh Long	2021-2025	175.000	
7.32	Hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn dọc sông Hậu cho vùng Quản Lộ Phụng Hiệp	Sóc Trăng	2021-2025		600.000
7.33	Nâng cấp HTTL Long Phú - Tiếp Nhật tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	2021-2025		200.000
7.34	Dự án đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi cho vùng Tứ Giác Long Xuyên	An Giang	2021-2025		1.450.000
7.35	Dự án đầu tư tăng cường khả năng thoát lũ và chuyên dịch cơ cấu cây trồng (T4, T5, T6, 10 Châu Phú, Xáng Vịnh Tre), An Giang	An Giang	2021-2025		480.000
7.36	Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 2	Bến Tre	2021-2025		320.000
7.37	Dự án Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	Bến Tre	2021-2025		350.000
7.38	Dự án nạo vét 02 tuyến kênh trực: Cầu Sập - Ninh Quới và Nàng Rèn nhằm khắc phục hạn hán, chống xâm nhập mặn vùng phía Bắc Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	2021-2025		230.000
7.39	Đoạn bờ biển bảo vệ đê từ giáp ranh tỉnh Sóc Trăng đến khu du lịch Nhà Mát, Bạc Liêu	Bạc Liêu	2021-2025		550.000
7.40	Dự án CT chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ kênh 3 đến ngã 3 Mũi tàu), Bạc Liêu	Bạc Liêu	2021-2025		200.000
7.41	Dự án ĐTXD nâng cấp đê biển Tây (đoạn từ Cái Đôi Vầm đến sông Đốc), Cà Mau	Cà Mau	2021-2025		524.000
7.42	Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau	Cà Mau	2021-2025		700.000
7.43	Hoàn thiện Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau	Cà Mau	2021-2025		300.000
7.44	Dự án đầu tư xây dựng đê Bảy Háp, Cà Mau	Cà Mau	2021-2025		673.000
7.45	HTTL tiểu vùng XII - Nam Cà Mau	Cà Mau	2021-2025		750.000
7.46	Hồ chứa nước Thủ Châu, huyện Thủ Châu, tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	2021-2025		200.000
III	Thủy săn			4.781.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025	
				NSNN	Các nguồn vốn khác
1	Cảng cá Động lực Trung tâm nghề cá lớn Hải Phòng (cảng cá Bạch Đằng)	Hải Phòng	2021-2025	400.000	
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bạch Long Vỹ, huyện Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	Hải Phòng	2021-2025	200.000	
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cô Tô, Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2025	400.000	
4	Nâng cấp mở rộng cảng cá Ninh Cơ, Nam Định	Nam Định	2021-2025	100.000	
5	Cảng cá Thụy Tân, tỉnh Thái Bình	Thái Bình	2022-2025	160.000	
6	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Hới, Thanh Hóa	Thanh Hóa	2022-2025	160.000	
7	Cảng cá Lạch Quèn, tỉnh Nghệ An	Nghệ An	2021-2025	150.000	
8	Cảng cá Cửa Khâu, Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2021-2025	200.000	
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc Sông Gianh, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	Quảng Bình	2021-2024	334.000	
10	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cồn Cỏ, huyện Cồn Cỏ, Quảng Trị	Quảng Trị	2023-2025	180.000	
11	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Tam Quang, Quảng Nam	Quảng Nam	2021-2025	238.000	
12	Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa, huyện Núi Thành, Quảng Nam	Quảng Nam	2022-2025	104.000	
13	Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa, Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	2021-2025	200.000	
14	Khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền Sông Tắc gắn liền với cảng cá Hòn Rơ, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2021-2025	200.000	
15	Khu neo đậu vịnh Cam Ranh gắn với cảng cá Đá Bạc, Khánh Hòa	Khánh Hòa	2023-2025	120.000	
16	Cảng cá ngừ Đông Tác, Tuy Hòa, Phú Yên	Phú Yên	2021-2025	220.000	
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, Bình Thuận (GD 2)	Bình Thuận	2022-2025	240.000	
18	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá sông Cửa Lấp, huyện Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu	Vũng Tàu	2021-2025	175.000	
19	Cảng cá động lực Trung tâm nghề cá lớn Bà Rịa - Vũng Tàu	Vũng Tàu	2022-2025	160.000	
20	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Bình Đại, Bến Tre	Bến Tre	2021-2024	40.000	
21	Nâng cấp cảng cá Định An, Trà Vinh	Trà Vinh	2021-2025	200.000	
22	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	Cà Mau	2021-2025	160.000	
23	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	Cà Mau	2021-2025	160.000	
24	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	2021-2025	160.000	
25	Cảng cá Tắc Cậu, Kiên Giang (giai đoạn 2)	Kiên Giang	2023-2025	120.000	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIỀN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH – NGUỒN VỐN ODA)
 (Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến thời gian thực hiện trong giai đoạn	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ nguồn vốn Vốn đối ứng	Dự kiến phân bổ nguồn vốn Vốn ODA
TỔNG SỐ					
A Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					
1	Dự án Cải thiện nông nghiệp có tuối (WB7)	2021-2025	456.481	198.862	257.619
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2021-2025	1.117.500	100.000	1.017.500
3	Dự án Chống chịu khí hậu tưới hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL/WB9)	2021-2025	1.105.434	246.483	858.951
4	Dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM1)	2021-2025	1.698.178	304.942	1.393.236
5	Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (JICA2)	2021-2024	1.661.000	161.000	1.500.000
6	Dự án Thủy lợi Bên Tre (JICA3)	2021-2025	5.361.883	883.681	4.478.202
7	Dự án phục hồi và quản lý bờ biển vùng phòng hộ (JICA2)	2021	8.334	8.334	
8	Dự án Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	2021-2023	111.109	26.769	84.340
9	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)	2021-2025	46.666	24.286	22.380
9	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR)	2021-2023	2.093.685	361.595	1.732.090
B Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi tưới hợp, biến đổi khí hậu (ADB9/CAIM)	2022-2025	364.250	10.000	354.250
2	Dự án Quản lý tưới hợp riui ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu (ADB10/CAIFRM)	2022-2025	2.820.000	100.000	2.720.000
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, nông thôn (KEXIM2)	2022-2025	1.533.920	200.000	1.333.920

